

Bản án số: **05/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 13/01/2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhu Y

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy T.

Bà Đỗ Thị Hg.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H –Thư ký Tòa án nhân dân Huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện S tham gia phiên toà: Ông Tạ Quốc T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện S – TP H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 635/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn TV, xã TD, Huyện S, thành phố H.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá Hu**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn TV, xã TD, Huyện S, TP. H.

Có mặt chị T, vắng mặt anh Hu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25.8.2022 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá Hu kết hôn năm 2006, vợ

chồng kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SG, Huyện GB, tỉnh BN ngày 11/9/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, không quan tâm gì đến nhau dẫn đến nghi ngờ lẫn nhau về tình cảm, anh Hu không còn quan tâm đến chị và các con. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Hu.

-Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hu có 03 con chung là Nguyễn Bá Hg, sinh ngày 07/8/2009, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/01/2012 và Nguyễn Bá Hn, sinh ngày 05/4/2019. Ly hôn chị đề nghị nuôi cả 03 con, nếu không được nuôi cả 03 con thì chị xin được nuôi 02 con là Nguyễn Thanh H và Nguyễn Bá Hn. Chị không đề nghị anh Hu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty N, T nhập bình quân 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11.10.2022 anh Nguyễn Bá Hu trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn vào ngày 11/9/2006, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SG, Huyện GB, tỉnh BN.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T bỏ nhà đi với người đàn ông khác. Sau đó anh nghĩ vì thương con nên anh có gọi chị T về nhưng tình cảm vợ chồng không còn được như cũ. Đến cuối năm 2020 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đầu năm 2022 chị T làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án Huyện S nhưng sau đó được Tòa án hòa giải chị T lại rút đơn về để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 8/2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Bá Hg, sinh ngày 07/8/2009, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/01/2012 và

Nguyễn Bá Hn, sinh ngày 05/4/2019. Ly hôn anh đề nghị nuôi cả 03 con, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công sức, nợ, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá Hu.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/01/2012 và Nguyễn Bá Hn, sinh ngày 05/4/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Bá Hg, sinh ngày 07/8/2009 cho anh Nguyễn Bá Hu trực tiếp nuôi dưỡng. Tự các bên đảm nhiệm việc nuôi con.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, nhà, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh Hu không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Huyện S nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Bá Hu, hiện anh Hu cư trú tại thôn TV, xã TD, Huyện S, thành phố H nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân Huyện S thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa ngày 06/01/2023 anh Hu vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh Hu, nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay anh Hu vẫn vắng mặt không có lý do nên căn

cứ theo Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hu.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng anh Nguyễn Bá Hu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SG, Huyện GB, tỉnh BN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2006 ngày 11.9.2006. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống cả chị T và anh Hu đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và hay nghi ngờ lẫn nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét yêu cầu của anh chị Hội đồng xét xử nhận thấy: Để tồn tại quan hệ hôn nhân thì vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên vợ chồng anh chị đều xác định không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên mục đích hôn nhân không đạt được nên thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh Hu.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Bá Hg, sinh ngày 07/8/2009, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 10/01/2012 và Nguyễn Bá Hn, sinh ngày 05/4/2019. Chị T và anh Hu đều đề nghị nuôi con và không đề nghị cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh chị Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Hg có nguyện vọng ở với anh Hu, cháu Hà có nguyện vọng ở với chị T, cháu Hưng còn nhỏ nên thấy cần giao cháu Hg cho anh Hu nuôi dưỡng. Giao cháu Hà, cháu Hn cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Chị T, anh Hu không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá Hu.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thanh Hà, sinh ngày 10/01/2012 và Nguyễn Bá Hn, sinh ngày 05/4/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Nguyễn Bá Hg, sinh ngày 07/8/2009 cho anh Nguyễn Bá Hu trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hu, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất ở, nhà, đất sản xuất nông nghiệp: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T số 0005384 ngày 05.10.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- VKSND H. S;
- THADS H. S;
- Tòa án H;
- UBND xã SG, Huyện GB, tỉnh BN
(Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 11.9.2006);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhu Y